TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG THỦY** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26-10-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Mai Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Cường và ông Lê Q Phương.

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Thọ - Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh thừa Thiên Huế mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 57/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020, về việc Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Ngọc N; sinh năm 1982; Địa chỉ: 85/52 PĐC, phường MT, quận ST, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1981; Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn 8B, xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt, do đã mất tích.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 24 tháng 4 năm 2020, lời khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Trương Thị Ngọc N trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân phường HC1, quận HC, thành phố Đà Nẵng chứng nhận kết hôn vào ngày 30/5/2001. Quá trình chung sống với nhau thì phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng vợ và ngày càng trầm trọng. Đến năm 2002 anh Q đã bỏ nhà ra sinh sống tại Thôn 8B, xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Năm 2015 thì anh Nguyễn Thanh Q đã bỏ nhà đi khỏi địa phương. Lâu nay không có thông tin gì về anh Q nên vào năm 2018 chị N đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Q mất tích. Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy đã thụ lý giải quyết việc dân sự và đã tuyên bố anh Nguyễn Thanh Q mất

tích theo quyết định số 03/2018/QĐST-DS ngày 03/10/2018. Từ ngày quyết định có hiệu lực cho đến nay cũng không có thông tin gì về anh Q còn sống hay đã chết. Do đó, chị Trương Thị Ngọc N đã làm đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Q theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về con chung: Chị Trương Thị Ngọc N công nhận vợ chồng có 01 người con chung là cháu: Nguyễn Q N, sinh ngày 05/9/1999. Cháu N đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị Ngọc N công nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn là anh Nguyễn Thanh Q thì đã mất tích theo quyết định số 03/2018/QĐST-DS ngày 03/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, lâu nay cũng không có thông tin gì về anh Q. Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Thanh Q vắng mặt do đã mất tích theo quyết định tuyên bố một người mất tích số 03/2018/QĐST-DS ngày 03/10/2018 của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn là chị Trương Thị Ngọc N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa Chị Trương Thị Ngọc N và anh Nguyễn Thanh Q là hôn nhân hợp pháp, đã được Ủy ban nhân dân phường HC1, quận HC, thành phố Đà Nẵng chứng nhận kết hôn vào ngày 30/5/2001. Quá trình Chị Trương Thị Ngọc N và anh Nguyễn Thanh Q chung sống với nhau không có hạnh phúc, mâu thuẫn về mặt tình cảm giữa vợ chồng vợ trầm trọng kéo dài nên anh Q đã bỏ nhà đi khỏi địa phương vào năm 2015. Tòa án đã tuyên bố anh Nguyễn Thanh Q mất tích theo Quyết định số 03/2018/QĐST-DS ngày 03/10/2018. Từ ngày quyết định có hiệu lực cho đến nay cũng không có thông tin gì về anh Q còn sống hay đã chết. Nên chị Trương Thị Ngọc N làm đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q. Trong suốt quá trình tố tụng, chị N cũng yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Q vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

Về con chung: Chị Trương Thị Ngọc N công nhận vợ chồng có 01 người con chung là cháu Nguyễn Q N, sinh ngày 05/9/1999. Hiện cháu Nam đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị Ngọc N công nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự: Nguyên đơn là chị Trương Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị N đã nộp tại biên lai số 005601 ngày 08/5/2020, nên nay khỏi phải nộp nữa.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 220; Khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 2 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trương Thị Ngọc N đối với bị đơn là anh Nguyễn Thanh Q;

Xử: Chị Trương Thị Ngọc N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Q.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Trương Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị N đã nộp tại biên lai thu số 005601 ngày 08/5/2020, nên nay khỏi phải nộp nữa.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TT.Huế;*
- *VKSND tỉnh TT.Huế;*
- *VKSND thị xã Hương Thủy;*
- *Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;*
- *Các đương sự;*
- *UBND phường HC1, quận HC, thành phố Đà Nẵng;(ĐKKH ngày 30/5/2001);*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu dán án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Phú